TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24/5/2021
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tiến Dũng
2. Bà Tống Thị Điệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 974/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2020, về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Y Bùi T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, Hện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bị đơn: Anh Phùng Chí M, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Y Bùi T trình bày có nội dung như sau:

Chị Y Bùi T và anh Phùng Chí M tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 17/4/2012.

Quá trình sống chung thì vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, đến cuối năm 2015 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân mỗi người một nơi từ đó cho đến nay. Nay chị T xác

định không còn tình cảm với anh Phùng Chí M nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Phùng Chí M.

Về con chung: Chị T và anh M có 01 con chung là cháu Phùng Bùi Gia H, sinh ngày 26/01/2012. Từ khi cháu sinh ra thì Chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Đến nay cháu H đã được 9 tuổi và Chị T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T có nghề nghiệp là làm Công ty thực phẩm với mức thu nhập 9.000.000 đồng/tháng và có nơi ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phùng Chí M:

Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình lẫn tránh vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y Bùi T xin ly hôn anh Phùng Chí M.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y Bùi T được ly hôn với anh Phùng Chí M.

Về con chung: Giao cháu Phùng Bùi Gia H, sinh ngày 26/01/2012 cho chị Y Bùi T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Anh Phùng Chí M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn anh Phùng Chí M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, thành phố B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh M là phù hợp khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 17/4/2012, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, đến cuối năm 2015 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân mỗi người một nơi từ đó cho đến nay. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh Phùng Chí M nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Phùng Chí M.

Tại biên bản xác M của Tòa án chính quyền địa phương cho biết chị T và anh M là vợ chồng, sau khi kết hôn về sống chung cùng bố mẹ ông M tại thôn 2, xã H, thành phố B, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh M có mâu thuẫn nên chị T cùng con bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Tổ dân phố B, thị trấn T, Huyện K, tỉnh Đắk Lắk sinh sống và chị T, anh M đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh M vắng mặt không tham gia tố tụng, cố tình lẫn tránh, nên tình cảm vợ chồng và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng không hòa giải đoàn tụ được.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh M đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Chị T có công việc và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để ổn định cuộc sống của con chung cần giao cháu Phùng Bùi Gia H, sinh ngày 26/01/2012 cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Y Bùi T xin ly hôn anh Phùng Chí M.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y Bùi T được ly hôn anh Phùng Chí M.

Về con chung: Giao cháu Phùng Bùi Gia H, sinh ngày 26/01/2012 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H đủ tuổi thành niên.

Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Y Bùi T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0013568 ngày 17/12/2020.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh